

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/DS-ST
Ngày 30 - 12 - 2020
“Về tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T -TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo
2. Bà Lê Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXXST-DS ngày 16-11-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn Đ, sinh năm 1938. Địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Long An (ông Đ có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Hữu T, sinh năm 1980 và Huỳnh Thị Bích C, sinh năm 1989. Địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Long An (ông T, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hà Văn Đ khởi kiện yêu cầu: Buộc ông T, bà C phải trả số tiền vốn vay là 18.000.000 đồng

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần thông báo về phiên hòa giải nhưng ông T, bà C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ và cũng không tham gia hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định tranh chấp giữa ông Hà Văn Đ với bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu

T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ thấy rằng: Vào ngày 20-9-2018 ông Đ có cho ông T, bà C vay 18.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng vào ngày 20-12-2018 (dương lịch), việc vay tiền có lập giấy vay do ông Đ viết, ông T và bà C ký tên. Tuy nhiên, khi đến hạn của kỳ trả ông T, bà C không thực hiện đúng cam kết, không trả tiền cho ông Đ. Mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên hòa giải nhưng ông Đ không đến tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy việc ông Đ yêu cầu ông T, bà C trả 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng tiền vay là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: ông Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì yêu cầu của ông Đ được chấp nhận nên ông T, bà C phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Hà Văn Đ đối với bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu T.

Buộc bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu T trả ông Hà Văn Đ 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì hàng tháng bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích C, ông Dương Hữu T phải chịu 900.000 (Chín trăm ngàn) đồng. Ông Hà Văn Đ không phải chịu án phí.

3. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/12/2020, bị đơn có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lưu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lưu Thủy

